

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49** /2018/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 5 - 2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Bé Bảy

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lua là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quốc Nin – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2018/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐST - HNGĐ ngày 20/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1979
Cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- Bị đơn: Anh R, sinh năm 1981
Cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh R và chị T kết hôn năm 1998, năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, giữa anh và chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng chị T cho rằng anh R không lo lắng gì cho gia đình, vợ con, chỉ biết ăn chơi vui thích cho bản thân, suốt ngày rượu chè say sưa; chị khuyên ngăn không nghe mà còn thường xuyên chửi mắng vợ con,

thấy không có hạnh phúc nên chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh R. Anh R không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu chị T.

Con chung: T, sinh ngày 01/01/1999 và Th, sinh ngày 01/01/2001 đã thành niên không bệnh tật.

Tài sản chung: Chị T, anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia.

Nợ chung: Chị T, anh R xác định không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh R là bị đơn trong vụ án, anh R có ý kiến bằng văn bản là từ chối tham gia tố tụng tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, đồng ý Tòa án xét xử vắng mặt anh; theo quy định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh R.

[2] *Hôn nhân*: Chị T và anh R kết hôn năm 1998, năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thuận, huyện U Minh hôn nhân tự nguyện. Do mâu thuẫn vợ chồng, nay chị T xin ly hôn, anh R không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa chị T xác định, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do anh R ham mê rượu chè không quan tâm gì đến vợ con, gia đình, nhà cửa. Chị khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh R không quan tâm gì đến lời khuyên của chị; đời sống vợ chồng đã lạnh nhạt gần 04 năm nay; hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn thương yêu gì anh R. Đối với anh R, anh cho rằng anh còn thương yêu chị T, không đồng ý ly hôn nhưng anh không đến Tòa án để cùng Tòa án tìm các biện pháp hòa giải để giảm đi những bất đồng mâu thuẫn; đồng thời anh R cũng không đưa ra được biện pháp nào để anh chị có lại được sự hạnh phúc thương yêu với nhau trong khi chị T cương quyết yêu cầu được ly hôn. Thấy rằng, mặc dù anh R không đồng ý ly hôn nhưng anh không có một động thái nào để chứng minh anh tha thiết muốn hàn gắn đoàn tụ; anh cũng không tìm cách xóa bớt những bất đồng, mâu thuẫn vợ chồng mà anh để mặc cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm. Điều này đã chứng minh, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, anh chị không thể có cuộc sống chung lâu dài và hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] *Con chung*: T, sinh ngày 01/01/1999 và Th, sinh ngày 01/01/2001 đã thành niên không bệnh tật nên không cần người chăm sóc nuôi dưỡng.

[4] *Tài sản chung*: Chị T, anh R không yêu cầu Tòa án phân chia nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] *Nợ chung*: Anh R, chị T xác định không.

[6] *Án phí*: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn. Do đó, chị T phải chịu án phí dân sự về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 - Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 điều 227; khoản 4 điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: - Chấp nhận yêu cầu của chị T, chị T ly hôn với anh R

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân chị T phải chịu 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0011812 ngày 12/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

nhận:

- Dương sự;
- UBND xã Khánh Thuận;
- VKSND huyện U Minh;
- THA DS huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Xuân Miến